

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà
chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2000/TTr-STC ngày 21 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động mua bán, chuyển nhượng tài sản là nhà thuộc đối tượng phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu lệ phí trước bạ đối với nhà theo quy định.

Điều 2. Quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh

1. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tỷ lệ phần} & & & & & & \\ \text{trăm (\%)} & = & \text{Chất lượng nhà} & & \text{Thời} & & \text{Tỷ lệ} \\ \text{chất lượng} & & \text{mới xây dựng} & - & \text{gian đã} & \times & \text{khấu hao} \\ \text{còn lại của} & \text{(Bằng)} & \text{(100\%)} & \text{(Trừ)} & \text{sử dụng} & \text{(Nhân)} & \text{(\%/năm)} \\ \text{nà} & & & & & & \end{array}$$

Trong đó:

a) Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%.

b) Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà: Tính từ thời điểm bên bán hoàn thành công trình xây dựng nhà đưa vào sử dụng đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ (tính thời gian bằng tháng trong năm). Nếu không xác định được thời điểm đưa vào sử dụng thì tính từ thời điểm bên mua thanh lý hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhà, hợp đồng mua bán nhà.

c) Tỷ lệ khấu hao (%/năm) của từng loại nhà:

Loại nhà	Tỷ lệ khấu hao (%/năm)
Nhà biệt thự	1,25
Nhà ở cấp I	1,25
Nhà ở cấp II	2,0
Nhà ở cấp III	4,0
Nhà ở cấp IV	6,67

d) Phân loại nhà: Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về phân cấp nhà, công trình xây dựng.

2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng phải đảm bảo chất lượng còn lại tối thiểu chịu lệ phí trước bạ là 30%.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bến Tre; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- Website Chính phủ; —
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Bến Tre;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- TTTTĐT, Website tỉnh;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- Phòng: TCĐT, KT, TH, NC, NV;
- Lưu: VT, Ph.

